



PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo quy định (EC) số 1907/2006

Phiên bản 8.4

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất

02.08.2024

Ngày in 12.10.2024

MSDS CHUNG CHO KHỐI EU- KHÔNG CÓ DỮ LIỆU CỤ THỂ CHO TỪNG QUỐC GIA- KHÔNG CÓ DỮ LIỆU OEL

Phần 1: Nhận dạng hóa chất và thông tin về nhà cung cấp

1.1 Nhận dạng của sản phẩm

Tên sản phẩm : ACETONE
Mã sản phẩm : ACT67641
Nhãn hiệu : QuangTrungChem
Số CAS : 67-64-1

1.2 Các ứng dụng đã biết của chất hoặc hỗn hợp và khuyến nghị sử dụng với:

Cách sử dụng đã được : Các hoá chất phòng thí nghiệm, sản xuất hóa chất
Xác định và khuyến cáo : Không sử dụng trong thực phẩm, đồ uống

1.3 Chi tiết về nhà cung cấp bằng dữ liệu an toàn

Công ty : CÔNG TY TNHH SX TM QUANG TRUNG
(QUANGTRUNG SX TM CO., LTD)
33 Thép Mới, Phường 12, Quận Tân Bình, TP.HCM, Việt Nam
Điện thoại : +84 936 383 235
Fax : +84 936 383 235
Địa chỉ e-mail : hoachatquangtrung@gmail.com

1.4 Số điện thoại liên hệ trong trường hợp khẩn cấp

Số điện thoại khẩn cấp : +84 936 383 235

Phần 2: Nhận dạng nguy cơ

2.1 Sự phân loại hóa chất hoặc hỗn hợp

Chất lỏng dễ cháy, (Cấp 2) H225: Hơi và chất lỏng rất dễ cháy.
Kích ứng mắt, (Cấp 2) H319: Gây kích ứng mắt nghiêm trọng
Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phổi
nhiễm đơn, (Cấp 3), Hệ thần kinh trung ương H336: Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt.

2.2 Các yếu tố nhãn

Ghi nhãn theo quy định (EC) No 1272/2008

Chữ tượng hình



CAS: 67-64-1

1

Phiếu an toàn hóa chất MSDS ACETONE



Từ cảnh báo	Nguy hiểm
Cảnh báo nguy hiểm	
H225	Hơi và chất lỏng rất dễ cháy.
H319	Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
H336	Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt.
Các lưu ý phòng ngừa	
P210	Đề xa các nguồn nhiệt/ tia lửa/ lửa /các bề mặt nóng. - Không hút thuốc.
P233	Đóng chặt thùng chứa.
P240	Tiếp đất và kết nối tất cả các thùng chứa và thiết bị thu nhận.
P241	Sử dụng các thiết bị điện/ thông gió/ chiếu sáng/ chống cháy nổ.
P242	Sử dụng các dụng cụ không gây ra tia lửa điện.
P305 + P351 + P338	NẾU TIẾP XÚC LÊN MẮT: Rửa cẩn thận bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu đang đeo và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa
Các bản kê nguy cơ bổ sung (EU)	
EUH066	Phơi nhiễm lặp đi lặp lại có thể làm khô hoặc rạn da.
Nhãn dán loại nhỏ (<= 125 ml)	
Chữ tượng hình	 
Từ cảnh báo	Nguy hiểm
Cảnh báo nguy hiểm	không có gì
Các lưu ý phòng ngừa	không có gì
Các bản kê nguy cơ bổ sung (EU)	
EUH066	Phơi nhiễm lặp đi lặp lại có thể làm khô hoặc rạn da.

Phần 3: Thông tin về thành phần các chất

3.1 Chất

Công thức	: C ₃ H ₆ O
Trọng lượng phân tử	: 58.08 g/mol
Số CAS	: 67-64-1
Số EC	: 200-662-2

Thành phần	Hàm lượng (% khối lượng)	CAS No.
Acetone (Propanone)	≥ 99,5%	67-64-1

Phần 4: Biện pháp sơ cứu về y tế

4.1 Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

Chưa có dữ liệu

4.2 Các triệu chứng/ tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này

Các ảnh hưởng và triệu chứng quan trọng nhất được mô tả trên nhãn (tham khảo Phần 2.2) và/hoặc Phần 11.

4.3 Những dấu hiệu cần sự chăm sóc y tế tức thời và điều trị đặc biệt

Chưa có dữ liệu

Phần 5: Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

5.1 Các phương tiện chữa cháy

Các phương tiện chữa cháy thích hợp

Carbon di ôxit (CO₂), Bọt, Bột khô

Các phương tiện chữa cháy không thích hợp

Đối với chất/ hỗn hợp này, không có giới hạn tác nhân dập lửa nào được cung cấp

5.2 Các nguy cơ đặc biệt bắt nguồn từ hóa chất và hỗn hợp

Carbon ôxit dễ cháy

5.3 Lời khuyên dành cho lính cứu hỏa

Chưa có dữ liệu

5.4 Thông tin khác

Chưa có dữ liệu

Phần 6: Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

6.1 Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố

Về bảo hộ cá nhân, xem phần 8

6.2 Các cảnh báo về môi trường

Chưa có dữ liệu

6.3 Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố

Chưa có dữ liệu

6.4 Thông tin khác

Để xử lý, xem phần 13

Phần 7: Yêu cầu về sử dụng, bảo quản

7.1 Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm

Tra cứu các biện pháp phòng ngừa trong phần 2.2

7.2 Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản, bao gồm cả bất kỳ điều kiện xung khắc nào

Chưa có dữ liệu

7.3 Sử dụng cụ thể

Ngoài mục đích sử dụng được đề cập trong phần 1.2, không có cách sử dụng cụ thể nào khác được quy định

Phần 8: Kiểm soát phơi nhiễm/ yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

8.1 Các thông số kiểm soát

Các thành phần có các thông số cần kiểm soát tại nơi làm việc

Mức độ không bị ảnh hưởng (DNEL)

Đối tượng áp dụng	Đường tiếp xúc	Ảnh hưởng đối với sức khỏe	Giá trị
Công nhân	Tiếp xúc với da	Ảnh hưởng lâu dài đến toàn bộ cơ thể	186mg/kg trọng lượng cơ thể mỗi ngày
Khách hàng	Nuốt phải	Ảnh hưởng lâu dài đến toàn bộ cơ thể	62mg/kg trọng lượng cơ thể mỗi ngày
Khách hàng	Tiếp xúc với da	Ảnh hưởng lâu dài đến toàn bộ cơ thể	62mg/kg trọng lượng cơ thể mỗi ngày
Công nhân	Hít phải	Ảnh hưởng cấp tính đến toàn bộ cơ thể	2420 mg/m ³
Công nhân	Hít phải	Ảnh hưởng lâu dài đến toàn bộ cơ thể	1210 mg/m ³
Khách hàng	Hít phải	Ảnh hưởng lâu dài đến toàn bộ cơ thể	200 mg/m ³

Nồng độ không gây ảnh hưởng theo dự báo (PNEC)

Môi trường	Giá trị
Đất	33.3 mg/kg
Nước biển	1.06 mg/l
Nước ngọt	10.6 mg/l
Trầm tích biển	3.04 mg/kg
Trầm tích nước ngọt	30.4 mg/kg
Hệ thống xử lý nước thải tại chỗ	100 mg/l

8.2 Kiểm soát phơi nhiễm

Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp

Thông số	Giá trị giới hạn	Tổ chức
TLV-TWA (8h)	500 ppm (1187 mg/m ³)	ACGIH
TLV-STEL (15 phút)	750 ppm (1781 mg/m ³)	ACGIH
PEL-TWA	1000 ppm	OSHA (Hoa Kỳ)

Biện pháp kiểm soát kỹ thuật

Lắp đặt hệ thống thông gió hút cục bộ tại khu vực sử dụng acetone.

Nếu làm việc trong khu vực kín, cần có thiết bị kiểm tra hơi dung môi thường xuyên.

Có hệ thống báo cháy, cảnh báo khí độc nếu làm việc trong khối lượng lớn

Phần 9: Đặc tính lý hóa của hóa chất

9.1 Thông tin cơ bản về các đặc tính

a) Trạng thái vật lý	Trong suốt, thể lỏng
b) Màu sắc	Không màu
c) Mùi đặc trưng	Mùi hăng, thơm yếu
d) Điểm/khoảng nóng chảy/ đông đặc	Điểm/khoảng nóng chảy: -94°C - tliệu.
e) Điểm sôi/khoảng sôi ban đầu	56 °C ở 1,013 hPa - tliệu.
f) Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí)	Chưa có dữ liệu
g) Giới hạn trên/dưới của tính dễ cháy hoặc dễ nổ	Giới hạn trên của cháy nổ: 13 %(V)
h) Điểm cháy	-17.0 °C - cốc kín
i) Nhiệt độ tự bốc cháy	465.0 °C
j) Nhiệt độ phân hủy	Có thể chưng cất trong trạng thái chưa phân hủy ở áp suất thường.
k) Độ pH	5 - 6 ở 395 g/l ở 20 °C
l) Độ nhớt	Độ nhớt, động học: chưa có dữ liệu Độ nhớt, động lực: chưa có dữ liệu
m) Độ hòa tan trong nước	Hòa tan được, ở mọi tỉ lệ
n) Hệ số phân tán: n-octanol/nước	Chưa có dữ liệu
o) Áp suất hóa hơi	245.3 hPa ở 20.0 °C
p) Mật độ	0.791 g/cm ³ ở 25 °C - tliệu.
q) Tỷ trọng tương đối	Chưa có dữ liệu
r) Tỷ trọng hơi tương đối	Chưa có dữ liệu



s) Đặc điểm hạt	Chưa có dữ liệu
t) Đặc tính cháy nổ	Chưa có dữ liệu
u) Đặc tính oxy hóa	Chưa có dữ liệu

9.2 Thông tin an toàn khác

Tính dẫn	0.01 $\mu\text{S}/\text{cm}$ ở 20 °C
Sức căng bề mặt	23.2 mN/m ở 20.0 °C

Phần 10: Mức ổn định và phản ứng của hóa chất

10.1 Tính ổn định hóa học

- Ổn định trong điều kiện thường.
- Acetone ổn định khi bảo quản đúng điều kiện (nhiệt độ mát, thông gió, tránh tia lửa, nguồn nhiệt và ánh sáng trực tiếp).

10.2 Khả năng phản ứng

- Không có phản ứng nguy hiểm trong điều kiện sử dụng và bảo quản thông thường.

10.3 Điều kiện cần tránh

- Nhiệt độ cao, tia lửa, ngọn lửa trần hoặc các nguồn phát nhiệt.
- Tĩnh điện tích tụ khi rót acetone có thể gây cháy nổ.
- Không được đun nóng trong điều kiện kín vì có thể tăng áp và gây nổ.

10.4 Vật liệu không tương thích

- Chất oxy hóa mạnh (như acid nitric, hydroperoxide, kali permanganate...) → có thể gây phản ứng dữ dội hoặc cháy nổ.
- Axit mạnh, bazơ mạnh có thể gây phản ứng phân hủy.
- Một số chất halogen hóa (như chloroform, trichloroethylene...) có thể phản ứng tạo chất nguy hiểm.

10.5 Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm

- Khi cháy hoặc phân hủy nhiệt: CO (carbon monoxide), CO₂ (carbon dioxide).
- Trong một số điều kiện có thể tạo ra hơi độc.

Phần 11: Thông tin về độc tính

11.1 Độc tính cấp tính

Đường phơi nhiễm	Thông số	Mức độ độc tính	Ghi chú
Qua miệng (chúet)	LD50 = 5.800 – 6.000 mg/kg	Thấp	Cần liều cao để gây tử vong
Qua da (thỏ)	LD50 = ~20.000 mg/kg	Rất thấp	Có thể gây khô da, kích ứng nhẹ



Hít phải (chuột)	LD50 = ~20.000 mg/kg	Trung bình	Gây chóng mặt, buồn ngủ ở liều thấp hơn
------------------	----------------------	------------	---

11.2 Triệu chứng phơi nhiễm cấp tính

a. Hít phải:

- Nồng độ thấp: Chóng mặt, nhức đầu, buồn ngủ, choáng váng, phản ứng chậm.
- Nồng độ cao: Gây ức chế thần kinh trung ương, có thể dẫn đến mất ý thức hoặc tử vong do ngừng hô hấp (trong điều kiện kín).

b. Tiếp xúc qua da:

- Gây khô da, bong tróc da, đặc biệt khi tiếp xúc kéo dài hoặc lặp lại.
- Có thể gây kích ứng nhẹ, nhưng không thấm qua da ở mức gây ngộ độc hệ thống.

c. Tiếp xúc mắt:

- Gây kích ứng nhẹ đến trung bình: đỏ mắt, chảy nước mắt, cảm giác rát.

d. Nuốt phải:

- Có thể gây buồn nôn, nôn mửa, kích ứng đường tiêu hóa.
- Liều lớn có thể dẫn đến triệu chứng như khi hít phải: choáng váng, mất ý thức.

11.3. Độc tính mãn tính và ảnh hưởng lâu dài

- Phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp lại với hơi acetone có thể gây:
 - + Rối loạn hệ thần kinh trung ương (mất ngủ, lo âu, giảm khả năng phản xạ).
 - + Ảnh hưởng đến gan và thận (dựa trên nghiên cứu động vật).
 - + Tác động đến chu kỳ kinh nguyệt và hệ nội tiết (ở người tiếp xúc lâu dài, nồng độ cao).
- Không được phân loại là chất gây ung thư, đột biến hoặc độc hại cho sinh sản bởi:
 - + IARC (Tổ chức nghiên cứu ung thư quốc tế): Nhóm 3 (Không thể phân loại về khả năng gây ung thư cho người)
 - + OSHA và ACGIH: Không liệt kê acetone là chất gây ung thư.

11.4 Độc tính khác

- Không có độc tính sinh thái đáng kể nhưng có khả năng bay hơi mạnh → gây ô nhiễm không khí nếu phát tán lớn.
- Không gây tích lũy sinh học.

Phần 12: Thông tin về sinh thái

12.1 Độc tính

- Độc tính thủy sinh:
 - + LC50 (96 giờ, cá nước ngọt – *Oncorhynchus mykiss*): khoảng 8.300 mg/L
 - + EC50 (48 giờ, *Daphnia magna*): khoảng 21.600 mg/L
 - + IC50 (96 giờ, tảo xanh *Scenedesmus subspicatus*): khoảng 7.200 mg/L
- Khả năng phân hủy sinh học:

- + Acetone được đánh giá là dễ phân hủy sinh học. Nghiên cứu cho thấy có trên 90% acetone bị phân hủy trong vòng 14 ngày trong điều kiện chuẩn OECD.
- Khả năng tích lũy sinh học:
 - + Log Kow: -0,24 → acetone không có xu hướng tích lũy sinh học trong cơ thể sinh vật.
 - + BCF (hệ số tích lũy sinh học): <10
- Tính di động trong môi trường:
 - + Do có độ bay hơi cao và hòa tan tốt trong nước, acetone di động mạnh trong môi trường đất và nước.
 - + Có thể phát tán vào khí quyển và bị phân hủy bởi phản ứng với OH• trong khoảng 1-10 ngày.
- Tác động môi trường:
 - + Ở nồng độ cao, acetone có thể gây ảnh hưởng ngắn hạn đến sinh vật thủy sinh.
 - + Không được phân loại là hóa chất nguy hại lâu dài cho môi trường thủy sinh theo GHS.
 - + Cần ngăn ngừa rò rỉ ra môi trường nước, thoát nước mưa hoặc đất.

Phần 13: Thông tin về thải bỏ

13.1 Phân loại chất thải:

- Acetone công nghiệp được phân loại là chất thải nguy hại do có đặc tính dễ cháy, dễ bay hơi và gây độc tạm thời. Mã chất thải nguy hại có thể tham khảo theo Danh mục chất thải nguy hại kèm theo Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

13.2 Biện pháp xử lý:

- Chất thải acetone không được đổ vào cống rãnh, hệ thống thoát nước hoặc môi trường tự nhiên.
- Thu gom và chứa trong thùng chuyên dụng kín, có nhãn “Chất thải nguy hại – Dễ cháy”.
- Giao cho đơn vị có giấy phép xử lý chất thải nguy hại (có mã QR hoặc Giấy phép xử lý CTNH do Bộ TN&MT cấp).

13.3 Phương pháp tiêu hủy

- Ưu tiên tái sử dụng hoặc thu hồi dung môi nếu có thể.
- Nếu không thể tái chế, acetone phải được xử lý bằng phương pháp thiêu đốt ở lò chuyên dụng cho dung môi dễ cháy, có hệ thống xử lý khí thải đạt QCVN.

13.4 Cảnh báo khi xử lý:

- Nhân sự tham gia thu gom, lưu trữ hoặc xử lý acetone phải được đào tạo về quản lý CTNH theo đúng quy định pháp luật.
- Không được trộn acetone với chất thải khác có nguy cơ phản ứng hoặc phát sinh khí độc hại.

Phần 14: Thông tin khi vận chuyển

Thuộc tính	Thông tin
Tên vận chuyển quốc tế (Proper Shipping Name)	ACETONE

UN Number	UN 1090
Loại nguy hiểm	3 – Chất lỏng dễ cháy
Nhóm đóng gói (Packing Group)	II
Mã phân loại hàng nguy hiểm (ADR, IMDG, IATA)	Class 3 – Flammable Liquid

14.1 Yêu cầu vận chuyển tại Việt Nam

- Phương tiện vận chuyển:

Phải được cấp giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm và gắn biểu tượng “Chất lỏng dễ cháy” rõ ràng theo quy định tại Nghị định 42/2020/NĐ-CP.

- Người điều khiển phương tiện:

Phải được đào tạo và có chứng chỉ vận chuyển hàng nguy hiểm, mang theo giấy tờ đầy đủ (bằng lái phù hợp, giấy phép vận chuyển, giấy tờ hàng hóa).

- Đóng gói và nhãn mác:

- + Thùng chứa phải đúng chuẩn kỹ thuật, kín, chịu được va đập nhẹ và không rò rỉ.
- + Có nhãn hàng nguy hiểm, biểu tượng lửa đỏ (nhóm 3), tên hóa chất, UN số, thông tin nhà cung cấp.
- + Có phiếu an toàn hóa chất (MSDS) đi kèm trong lô hàng.

- Biện pháp phòng ngừa:

- + Tránh ánh nắng, nguồn nhiệt, tia lửa, hoặc ma sát cơ khí.
- + Không được vận chuyển cùng các chất oxy hóa mạnh hoặc axit mạnh.
- + Không hút thuốc khi bốc dỡ.

- Ứng phó sự cố khi vận chuyển:

- + Trang bị phương tiện chữa cháy (bình CO₂, bột khô).
- + Có quy trình khẩn cấp trong trường hợp rò rỉ, cháy nổ.

Phần 15: Thông tin về pháp luật

15.1 Quy định pháp luật Việt Nam áp dụng

- Luật Hóa chất số 06/2007/QH12

- + Acetone thuộc danh mục hóa chất nguy hiểm được quản lý theo quy định của Luật Hóa chất.
- + Yêu cầu doanh nghiệp phải đăng ký, khai báo hóa chất và thực hiện an toàn hóa chất theo Nghị định 113/2017/NĐ-CP.

- Nghị định 113/2017/NĐ-CP (và sửa đổi bổ sung bởi ND 17/2020/NĐ-CP)

- + Hướng dẫn chi tiết thi hành Luật Hóa chất về quản lý, khai báo, lưu trữ, sử dụng hóa chất nguy hiểm như acetone.

- Thông tư 32/2017/TT-BCT

+ Quy định về lập và sử dụng Phiếu An toàn Hóa chất (MSDS), trong đó acetone phải có đầy đủ 16 mục theo mẫu quy chuẩn.

+ Yêu cầu MSDS phải bằng tiếng Việt khi sử dụng trong nước.

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14

+ Acetone là chất có khả năng gây ô nhiễm nếu không kiểm soát tốt.

+ Cơ sở sử dụng acetone phải tuân thủ quy định về phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất và chất thải nguy hại.

- Thông tư 02/2022/TT-BTNMT

+ Hướng dẫn quản lý chất thải nguy hại, trong đó acetone khi thải bỏ thuộc nhóm chất thải nguy hại do có tính dễ cháy và độc hại.

- Nghị định 42/2020/NĐ-CP về vận chuyển hàng nguy hiểm

+ Acetone thuộc danh mục hàng hóa nguy hiểm phải có điều kiện đặc biệt khi vận chuyển.

15.2 Hệ thống phân loại và ghi nhãn theo GHS (TCVN 10253:2014)

- Acetone được phân loại là:

+ Chất lỏng dễ cháy (Nhóm nguy hiểm: 3, Mức độ 2)

+ Gây kích ứng mắt, chóng mặt, buồn ngủ (Mức độ 3)

- GHS yêu cầu dán nhãn cảnh báo với các biểu tượng:

⚠ – Cảnh báo, 🔥 – Dễ cháy, kèm từ cảnh báo và câu H (Hazard statements) đầy đủ.

15.3 Yêu cầu khác

- Người lao động tiếp xúc với acetone phải được huấn luyện an toàn hóa chất định kỳ.

- Cơ sở sử dụng acetone số lượng lớn phải có báo cáo đánh giá rủi ro hóa chất, phương án ứng phó sự cố hóa chất, được phê duyệt bởi Sở Công Thương hoặc Bộ Công Thương (tùy quy mô).

Phần 16: Các thông tin cần thiết khác

16.1 Thông tin về tổ chức/đơn vị xây dựng Phiếu an toàn hóa chất

- Tên tổ chức: CÔNG TY TNHH SX TM QUANG TRUNG

- Địa chỉ: 33 Thép Mới, Phường 12. Quận Tân Bình, TP.HCM

- Điện thoại liên hệ: 093 638 3235

- Email: hoachatquangtrung@gmail.com

16.2 Các nguồn tài liệu tham khảo khi xây dựng phiếu an toàn hóa chất

- Luật Hóa chất số 06/2007/QH12

- Nghị định 113/2017/NĐ-CP (về quản lý hóa chất nguy hiểm)

- Thông tư 32/2017/TT-BCT (về lập và sử dụng MSDS)

- GHS – Hệ thống hài hòa toàn cầu về phân loại và ghi nhãn hóa chất (TCVN 10253:2014)

- Các tiêu chuẩn quốc tế như:



- + EU REACH Regulation
- + SDS theo tiêu chuẩn ANSI Z400.1/Z129.1 (Mỹ)
- + Dữ liệu từ ECHA (Châu Âu), PubChem, HSDB, IUCLID
- + Tài liệu kỹ thuật từ nhà sản xuất acetone công nghiệp (nếu có)

16.3 Khuyến nghị sử dụng thông tin trong MSDS

- Phiếu an toàn hóa chất này chỉ sử dụng trong mục đích cung cấp thông tin an toàn lao động, môi trường và vận hành cho các tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình sử dụng, lưu trữ và vận chuyển acetone.
- Không sử dụng như tài liệu pháp lý ràng buộc để thay thế cho quy chuẩn kỹ thuật hoặc văn bản pháp luật.

16.4 Lưu ý hiệu chỉnh

- MSDS này cần được hiệu chỉnh định kỳ ít nhất mỗi 03 năm hoặc khi có thay đổi về công thức, quy định pháp luật, dữ liệu độc học mới.
- Phiên bản cũ nên được thay thế ngay sau khi có phiên bản mới.

Đại diện hợp pháp của nhà phân phối
Giám Đốc

TRẦN HỮU QUANG

